

Bản án số: 46/2020/HS-ST
Ngày 08- 9- 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phúc An Hoàn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ma Trọng Hưng**

2. Bà **Triệu Thị Yên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hà Thị Vân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Hưng** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2020/TLST-HS ngày 17/7/2020 theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐXXST-HS ngày 25/8/2020 đối với các bị cáo:

1. HÀ VĂN C, tên gọi khác: Không; sinh ngày 07/4/1993 tại huyện C, tỉnh T; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, chỗ ở hiện nay: Thôn Bản C, xã B, huyện C, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 05/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn T và bà Đoàn Thị L; anh, chị, em ruột: Có 03 người, bị cáo là thứ 02; vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giam từ ngày 05/5/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang, *có mặt tại phiên tòa.*

2. TRIỆU VĂN T, tên gọi khác: Không; sinh ngày 07/12/1988 tại huyện C, tỉnh T;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, chỗ ở hiện nay: Thôn Bản C, xã B, huyện C, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn H và bà Hà Thị K; anh, chị, em ruột: Có 09 người, bị cáo là thứ 08; vợ H.L; có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2016;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giam từ ngày 05/5/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang, *có mặt tại phiên tòa.*

3. ĐOẠN VĂN D, tên gọi khác: Không; sinh ngày 10/5/1978 tại huyện C, tỉnh T;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, chỗ ở hiện nay: Thôn Bản L, xã B, huyện C, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 04/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoạn Văn H1 và bà Ma Thị M; anh, chị, em ruột: Có 07 người, bị cáo là thứ 06; vợ Triệu Thị N và có 02 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2000;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giam từ ngày 05/5/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang, *có mặt tại phiên tòa.*

Người bào chữa cho bị cáo Hà Văn C, Đoạn Văn D, Triệu Văn T: Bà Vũ Thanh Thủy, Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang, *có mặt tại phiên tòa.*

Bị hại:

1. Ông Hà Văn Q, sinh năm 1977; nghề nghiệp: Làm ruộng; nơi cư trú: Thôn Bản C, xã B, huyện C, tỉnh T, *có mặt.*

2. Bà Triệu Thị K, sinh năm 1969; nghề nghiệp: Làm ruộng; nơi cư trú: Thôn Bản L, xã B, huyện C, tỉnh T, *có mặt.*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Đoạn Quang N, sinh ngày 12/02/2000; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: Thôn Bản L, xã B, huyện C, tỉnh T, *vắng mặt.*

2. Ma Văn B, sinh năm 1992; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: Thôn Bản L, xã B, huyện C, tỉnh T, *(là bị cáo trong vụ án khác), có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07/4/2020 và ngày 02/5/2020, Hà Văn C đã có hành vi nhiều lần trộm cắp tài sản; Đoạn Văn D, Triệu Văn T, Ma Văn B đã có hành vi trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, cụ thể:

Lần 1: Khoảng 19 giờ ngày 07/4/2020, D ở nhà cùng con trai là Đoạn Quang N thì lần lượt có Ma Văn B và Hà Văn C đến chơi. Quá trình D và C nấu cơm tại bếp nhà D, D bảo C đi tìm tiền về mua ma túy về sử dụng C nói “Không kiếm được tiền đâu” D nói “Bây giờ phải kiếm được dê mới có tiền” thì C nói “Có chỗ bán thì cháu đi lấy” thấy C nói vậy D bảo C “Cứ đi lấy trộm dê về khắc có chỗ bán” nghe D nói vậy C không nói gì thêm. Khoảng 19 giờ 45 phút cùng ngày C một mình đi đến chuồng dê nhà anh Hà Văn Q, trú tại thôn Bản C, xã B, huyện C, đến nơi C quan sát thấy không có người C cởi dây cửa chuồng dê và

chui vào trong chuồng dê, C bắt trộm 01 con dê cái có lông màu vàng, trọng lượng 40kg mang đi cất giấu tại bờ suối cách nhà anh Q khoảng 200m, sau khi trộm cắp được dê của anh Q, C quay lại nhà D thì thấy D và B đang ngồi ở bàn uống nước, C nói C thông báo cho B và D biết đã trộm cắp được dê. Thấy C nói vậy B nói “*để tao gọi điện cho thằng T mang đi bán*” đồng thời B gọi điện cho Triệu Văn T, trú cùng thôn với C đến nhà D. Sau đó T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 22K4-2451 đến nhà D, thấy T đến B bảo T điều khiển xe đi khu Nà V (thuộc thôn Bản C, xã B, huyện C) sau đó đứng chờ trên đường để C đến nơi cất giấu dê trước đó C đã trộm cắp được để cùng C mang dê trộm cắp được mang đi bán lấy tiền mua ma túy. T điều khiển xe mô tô chở C ngồi phía sau ôm dê mang đi bán. Khi đến thị trấn B, huyện CĐ, tỉnh B, T tìm đến nhờ Quách Hữu V, trú tại xã BL, huyện CĐ, tỉnh B giúp T bán dê cho một người đàn ông không quen biết ở xã BL, huyện CĐ, tỉnh B được 3.000.000 đồng nhưng T chỉ nhận 1.000.000 đồng tiền mặt, cùng 04 gói nhỏ ma túy được quy đổi từ 2.000.000 đồng tiền mặt còn lại sau khi bán được dê trên đường về V lấy 01 gói ma túy cùng 200.000 đồng còn lại 03 gói ma túy và 800.000 đồng T giữ.

Sau khi T và C đi D bảo N đi cùng B đi theo T để lấy phần tiền được C sau khi bán dê do đó N và B đi theo T, khi đến đèo Ba Bò, gần xã BL, huyện CĐ, tỉnh B, N, B gặp T và C nên cùng nhau đi đến đoạn đường vắng người và cùng nhau lấy 01 gói ma túy ra cùng nhau sử dụng. Còn lại 02 gói ma túy T chia thành 05 phần bằng nhau cho 05 người gồm T, C, B, N và D sau khi chia ma túy xong tất cả cùng nhau về nhà. Khi về đến nhà D hỏi N “Bán được bao nhiêu tiền” thì N nói với D “Đổi lấy ma túy” sau đó N đưa hết ma túy cho D bao gồm cả phần của N được chia trước đó, D đã sử dụng hết số ma túy.

Lần 2: Khoảng 19 giờ ngày 02/5/2020, C đến nhà T ăn cơm. Sau khi ăn cơm xong, thì C nhờ T tìm chỗ bán dê để C đi trộm cắp dê đem bán. Thấy vậy, T gọi điện thoại hỏi Hoàng Văn T1, trú tại thôn T, xã Y, huyện C “Có chỗ bán dê không” thì được T1 trả lời “Có chỗ bán dê giá 10”. Quá trình hỏi T1 về việc tìm chỗ bán dê, T mở loa ngoài điện thoại với mục đích để C đang đứng sát bên cạnh cùng nghe thấy. Sau khi nghe thấy T1 nói với T qua điện thoại “Có chỗ bán dê giá 10”, C bảo T “Tí nữa lên khu Cốc Ngổ đón C”, thì T hiểu là C đi trộm dê, tí nữa lên khu vực Cốc Ngổ giúp C chở dê trộm cắp được nên T đã đồng ý và trả lời là “Ừ”. Sau đó C một mình đi đến chuồng nhốt dê của bà Triệu Thị K, trú tại thôn Bản L, xã B, huyện C, tỉnh T trèo qua tường rào chuồng dê vào bên trong bắt trộm lấy một con dê đực, màu lông trắng - đen, có trọng lượng khoảng 15kg, cho vào bao tải dứa do C chuẩn bị từ trước đó, đem đến khu vực Cốc Ngổ để chờ T đến đón. Do không thấy T đến đón như đã hẹn trước nên C đem con dê trộm cắp được đi buộc vào bụi chuối giấu tạm nhưng bị tổ công tác của Công an xã B phát hiện, do đó C đem theo con dê bỏ chạy về nhà. Sau đó Công an xã B đã triệu tập C để làm việc và thu giữ được con dê trộm cắp nêu trên.

Tại kết luận định giá tài sản số: 31/KL-HĐĐGTS ngày 04/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Chiêm Hóa kết luận: 01 con dê đực

trọng lượng 17kg mà C với T trộm cắp ngày 02/5/2020 có giá là 2.550.000 đồng, 01 con dê cái mà C với D trộm cắp ngày 07/4/2020 có giá là 4.800.000 đồng.

Cáo trạng số: 43/CT-VKSCH ngày 16/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang truy tố các bị cáo: Đoàn Văn D, Hà Văn C về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; Triệu Văn T về các tội "*Trộm cắp tài sản*" và "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" theo khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Đối với hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của Ma Văn B, sau khi phạm tội B trốn khỏi địa phương, Cơ quan điều tra đã tách hành vi của Ma Văn B để giải quyết bằng một vụ án khác.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh, điều luật đã nêu trong Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Đề nghị tuyên bố các bị cáo: Đoàn Văn D, Hà Văn C phạm tội "*Trộm cắp tài sản*"; Triệu Văn T phạm các tội "*Trộm cắp tài sản*" và "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*".

Về hình phạt chính:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Đoàn Văn D từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 05/5/2020.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Hà Văn C từ 15 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 05/5/2020.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 323; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Triệu Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; 09 tháng đến 12 tháng tù về Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung của hai tội, buộc phải chấp hành chung mức án từ 18 tháng đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 05/5/2020.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có tài sản riêng, dân tộc thiểu số, sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với tài sản con dê của bà Triệu Thị K đã được cơ quan chức năng thu giữ trả lại cho chủ sở hữu nên không phải xem xét. Đối với tài sản con dê của ông Q, được Hội đồng định giá tài sản xác định 4.800.000 đồng, trước khi mở phiên tòa giữa bị hại ông Q với các bị cáo C, D, T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan B thống nhất về giá trị và mức bồi thường thiệt hại trị giá tài sản 01 con dê là 4.800.000 đồng, trong đó C, D, T, B liên đới bồi thường cho ông Q

4.800.000 đồng, mỗi người 1.200.000 đồng; D, T, B đã bồi thường xong cho ông Q; bị cáo C đã bồi thường được 300.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp số tiền 900.000 đồng. Xét thấy nội dung thỏa thuận về mức bồi thường giữa bị hại với các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ trong vụ án là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị hội đồng xét xử ghi nhận nội dung thỏa thuận và mức bồi thường thiệt hại đã thực hiện; buộc bị cáo C tiếp tục thực hiện bồi thường tiếp cho bị hại ông Q số tiền 900.000 đồng theo nội dung đã thỏa thuận.

Về vật chứng vụ án: Ngày 03/5/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa tạm giữ 01 con dê đực trọng lượng 17 kg, tạm giao cho gia đình bà Triệu Thị K chăm sóc, quản lý, cần giao cho chủ sở hữu quản lý, sử dụng.

Về truy thu tiền do phạm tội mà có: Sau khi mang dê trộm cắp được đi bán bị cáo T và C chia nhau mỗi người được số tiền 400.000 đồng, xét thấy số tiền này có được do phạm tội mà có, nhưng do bị cáo C và T thực hiện bồi thường thiệt hại cho bị hại Q, do đó không đề nghị truy thu số tiền trên.

Đối với hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của Ma Văn B, sau khi phạm tội B trốn khỏi địa phương, Cơ quan điều tra đã tách hành vi của Ma Văn B để giải quyết bằng một vụ án khác. Đối với Quách Hữu V, quá trình điều tra V bỏ trốn khỏi địa phương qua xác minh chưa có đủ căn cứ V tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, có căn cứ xử lý sau. Đối với Đoàn Quang N được D nói là đi theo T, C, B để bán dê nhưng N không biết C đi trộm cắp dê chỉ khi T và C bán được dê N mới biết đó là tài sản do trộm cắp mà có, nên không có căn cứ xử lý.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Hà Văn C, Triệu Văn T, Ma Văn B, Đoàn Văn D, Đoàn Quang N, Công an huyện Chiêm Hóa đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền, nên không phải xem xét.

Đối với người đàn ông mua dê của T, C nhưng Cơ quan điều tra không xác định được tên, tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ để giải quyết.

Đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo bản án của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo: Đoàn Văn D, Hà Văn C, Triệu Văn T xác định: Có cơ sở xác định các bị cáo Đoàn Văn D, Hà Văn C phạm tội trộm cắp tài sản; bị cáo Triệu Văn T phạm các tội trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, là hộ nghèo, cận nghèo, dân tộc thiểu số sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật, trình độ văn hóa hạn chế.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Đoàn Văn D ở mức khởi điểm điều luật quy định.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Hà Văn C ở mức 01 năm tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 323; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Triệu Văn T ở mức thấp nhất điều luật quy định.

Tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu, không có ý kiến tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát; nhất trí nội dung bào chữa của người bào chữa cho các bị cáo, không bổ sung gì thêm. Nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

Lời khai của bị hại ông Hà Văn Q xác định ngày 07/4/2020 đã mất tài sản là 01 con dê cái có trọng lượng khoảng 40 kg có giá 4.800.000 đồng. Trước khi mở phiên tòa đã được các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thống nhất thỏa thuận về giá trị và mức bồi thường cụ thể đối với từng người. Trong đó Hà Văn C, Đoàn Văn D, Triệu Văn T, Ma Văn B mỗi người bồi thường cho ông số tiền 1.200.000 đồng. Đoàn Văn D, Triệu Văn T, Ma Văn B đã bồi thường tiền xong cho ông, Hà Văn C đã bồi thường được 300.000 đồng, còn thiếu 900.000 đồng, ông yêu cầu Hà Văn C bồi thường tiếp số tiền 900.000 đồng. Về trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Lời khai của bị hại bà Triệu Thị K xác định ngày 02/5/2020 đã mất tài sản là 01 con dê đực có trọng lượng 17 kg có giá là 2.550.000 đồng, trong giai đoạn điều tra đã được cơ quan điều tra Công an huyện Chiêm Hóa tạm giao dê cho gia đình quản lý; đề nghị hội đồng xét xử giao tài sản cho bà quản lý, sử dụng. Về trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo C, T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp, phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên toà cũng như tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án phù hợp với nhau, phù hợp các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 19 giờ 45 phút ngày 07/4/2020, Hà Văn C và Đoàn Văn D đã có hành vi trộm tài sản của ông Hà Văn Q, trú tại thôn Bản C, xã B, huyện C, tỉnh T 01 con dê cái có trọng lượng 40kg trị giá 4.800.000 đồng. Triệu Văn T và Ma Văn B có hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Khoảng 19 giờ ngày 02/5/2020, Hà Văn C và Triệu Văn T đã có hành vi trộm cắp tài sản của bà Hà Thị K trú tại thôn Bản L, xã B, huyện C, tỉnh T 01 con dê đực có trọng lượng 17kg trị giá là 2.550.000 đồng.

Đủ cơ sở xác định các bị cáo Đoàn Văn D, Hà Văn C đã phạm tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Triệu Văn T đã phạm tội trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, do đó phải chịu trách nhiệm đối với hành vi phạm tội của mình.

Bị cáo Hà Văn C thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người thực hiện hành đắc lực, 02 lần trực tiếp trộm cắp dê. Bị cáo Đoàn Văn D thực hiện hành vi phạm tội ngày 07/4/2020 với vai trò là chủ mưu, đề xuất, tác động là đồng phạm trong tội trộm cắp tài sản với bị cáo C.

Bị cáo Triệu Văn T thực hiện hành vi phạm tội ngày 07/4/2020 với vai trò là người giúp sức, thực hành đắc lực; trực tiếp liên hệ, cùng bị cáo C tiêu thụ tài sản do trộm cắp mà có. Ngày 02/5/2020 khi bị cáo C nhờ liên hệ địa điểm bán dê, bị cáo đã trực tiếp liên hệ; biết rõ bị cáo C không có tài sản (dê), khi bị cáo C thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bị cáo đã nhất trí hỗ trợ, giúp sức bị cáo C thực hiện, là đồng phạm trong việc trộm cắp tài sản với bị cáo C.

Hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân và xâm phạm trật tự công cộng, gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, vi phạm pháp luật Nhà nước.

Trong lượng hình cần xem xét cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: *“Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả”*, *“Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn*

ăn hối cải”, “*Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo*”, “*Dân tộc thiểu số, sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn*” theo quy định tại điểm các b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đoàn Văn D được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ là “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” theo điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Hà Văn C phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm chung với từng bị cáo; nội dung buộc tội, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa và người tham gia tố tụng khác thấy: Các bị cáo trong vụ án thực hiện hành vi phạm tội với vai trò tích cực, quyết liệt, thể hiện tính coi thường pháp luật, do đó cần phải áp dụng biện pháp cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, như vậy mới đủ sức răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[4] Về vật chứng vụ án: Tài sản của bị hại bà Triệu Thị K đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang thu hồi tạm giao cho quản lý, do đó Hội đồng xét xử cần giao cho bà K được quyền quản lý, sử dụng.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản (dê) của bị hại K đã nhận lại và không yêu cầu bồi thường về giá trị, nên không phải xem xét. Đối với giá trị 01 con dê của ông Hà Văn Q trước khi mở phiên tòa giữa ông Q với các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thống nhất thỏa thuận về mức bồi thường. Giá trị tài sản con dê là 4.800.000 đồng, các bị cáo Đoàn Văn D, Hà Văn C, Triệu Văn T và Ma Văn B mỗi người có trách nhiệm 1.200.000 đồng cho ông Q. D, T, B đã thực hiện bồi thường xong; bị cáo C đã thực hiện bồi thường được 300.000 đồng, còn phải tiếp tục bồi thường tiếp số tiền 900.000 đồng. Xét thấy nội dung tự nguyện thống nhất thỏa thuận về bồi thường thiệt hại, số tiền cụ thể giữa bị hại Q và các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử ghi nhận nội dung thỏa thuận bồi thường thiệt hại và việc bồi thường thiệt hại xong của Đoàn Văn D, Triệu Văn T và Ma Văn B. Đối với phần tiền thực hiện bồi thường thiệt hại của Hà Văn C với ông Q còn 900.000 đồng, cần buộc bị cáo C tiếp tục thực hiện bồi thường thiệt hại theo quy định.

[6] Về truy thu tiền do phạm tội mà có: Sau khi các bị cáo T, C bán tài sản trộm cắp (dê) được tiền, bị cáo T và C chia nhau mỗi người được 400.000 đồng, xét tiền số tiền này có được do phạm tội mà có. Tuy nhiên về trách nhiệm dân sự thực hiện bồi thường cho bị hại các bị cáo C, T phải thực hiện bồi thường thiệt hại, do đó không cần thiết truy thu tiền đối với các bị cáo C, T.

[7] Đối với hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của Ma Văn B, sau khi phạm tội B trốn khỏi địa phương, Cơ quan điều tra đã tách hành vi của Ma Văn B để giải quyết bằng một vụ án khác.

Đối với Quách Hữu V, quá trình điều tra V bỏ trốn khỏi địa phương qua xác minh chưa có đủ căn cứ xác định V có dấu hiệu hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với Đoàn Quang N được D nói là đi theo T, C, B để bán dê nhưng N không biết C đi trộm cắp dê, chỉ khi T và C bán được dê N mới biết đó là tài sản do trộm cắp mà có, do đó không đủ căn cứ xử lý đối với N.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Hà Văn C, Triệu Văn T, Đoàn Văn D, Ma Văn B, Đoàn Quang N, Công an huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền, nên không phải xem xét.

Đối với người đàn ông mua dê của T, C nhưng Cơ quan điều tra không xác định được tên, tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ để giải quyết.

[8] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Khoản 5 Điều 323 Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Xét thấy bị cáo C, D, T không có tài sản riêng; bị cáo T thuộc hộ nghèo, bị cáo D thuộc hộ cận nghèo; các bị cáo là dân tộc thiểu số, sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Bị cáo Hà Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, do bị cáo C có đơn xin miễn nộp tiền án phí do đó Hội đồng xét xử chấp nhận miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với Hà Văn C.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Hà Văn C, Đoàn Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo Triệu Văn T phạm các tội "Trộm cắp tài sản" và "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38, 48, 58 của Bộ luật Hình sự; các Điều 135, 136, 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 357, 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử phạt **Hà Văn C**, 01 năm 04 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 05/5/2020. Buộc Hà Văn C có trách nhiệm bồi thường về giá trị tài sản tiếp cho ông Hà Văn Q số tiền là 900.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự; các Điều 135, 136, 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử phạt **Đoạn Văn D**, 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 05/5/2020.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 55, 58 của Bộ luật Hình sự; các Điều 135, 136, 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử phạt **Triệu Văn T**, 09 tháng tù về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, 07 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; tổng hợp hình phạt chung phải chấp hành là 01 năm 04 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 05/5/2020.

Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Giao cho bà Triệu Thị K được quản lý, sử dụng 01 con dê đực có màu lông đen, trắng. Đặc điểm, tình trạng tài sản theo biên bản sự việc lập ngày 02/5/2020 của Công an xã B, huyện C, tỉnh T với bà Triệu Thị K.

Các bị cáo Hà Văn C, Đoạn Văn D, Triệu Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho Hà Văn C.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 08/9/2020.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại; người có QLNVLQ;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- CQCSĐT CA huyện Chiêm Hóa;
- CQTHAHS CA huyện Chiêm Hóa;
- Cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- Bộ phận HSNV CA huyện Chiêm Hóa;
- Sở Tư pháp;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phúc An Hoàn